

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 148/2017/HC-PT
Ngày: 21 - 7 - 2017
V/v khiếu kiện quyết định hành
chính trong lĩnh vực quản lý đất đai
thuộc trường hợp giải quyết khiếu nại về
bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Đình Thanh

Các Thẩm phán: Ông Dương Bửu Chánh

Ông Đặng Quốc Khởi

- Thư ký phiên tòa: Ông Thới Ngọc Bắc - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Gia Viễn - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 7 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 34/2016/TLPT-HC ngày 13 tháng 4 năm 2016 về khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai thuộc trường hợp giải quyết khiếu nại về bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số: 958/2015/HC-ST ngày 16 tháng 9 năm 2015 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 348/2016/QĐ-PT ngày 04 tháng 7 năm 2016; giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Ông Phan Văn H, sinh năm 1974, (có mặt).

Cư trú tại địa chỉ: Số 123 Khu phố M, phường A, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện (được ủy quyền theo văn bản ủy quyền ngày 21 tháng 01 năm 2015):

Ông Thái Hữu Ng, sinh năm 1959; cư trú tại địa chỉ: TK X, đường N, phường C, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh, (có mặt).

- *Người bị kiện:* Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ: 86 đường T, phường BN, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh, (có đơn xin vắng mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh, (vắng mặt).
2. Ủy ban nhân dân Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh, (vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Ông Trần Cảnh Ph, Phó Trưởng ban Ban bồi thường giải phóng mặt bằng Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh, (có mặt).

+ Ông Phạm Hoàng Anh T, Phó Trưởng phòng Nghiệp vụ 3, 4 Ban bồi thường giải phóng mặt bằng Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh, (có mặt).

Địa chỉ: 168 đường B, Khu phố M, phường Th, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người kháng cáo:* Người khởi kiện ông Phan Văn H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án cấp sơ thẩm, người khởi kiện ông Phan Văn H trình bày yêu cầu khởi kiện như sau:

Nguồn gốc diện tích đất 226,94m² Khu phố M, phường A, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh do cha ông H là ông Phan Văn Th khai phá sử dụng trước năm 1975 và cho ông H vào năm 1992.

Ông có xây nhà không phép nhưng bị lập biên bản buộc tháo dỡ, nhưng do hoàn cảnh ông khó khăn nên chính quyền không tháo dỡ và sử dụng đến khi có quyết định thu hồi đất.

Ngày 08/02/2010 Ủy ban nhân dân Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quyết định số 2161/QĐ-UBND bồi thường cho ông kèm bảng chiết tính giá trị tổng cộng là 31.271.300 đồng.

Ông làm đơn khiếu nại và Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận H ban hành: Quyết định giải quyết khiếu nại số 12566/QĐ-UBND-TTr ngày 17/9/2010 bác đơn khiếu nại của ông H.

Ông tiếp tục khiếu nại và Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 6543/QĐ-UBND ngày 31/12/2014 công nhận một phần Quyết định giải quyết khiếu nại số 12566/QĐ-UBND-TTr ngày 17/9/2010 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận H, giao Ủy ban nhân dân Quận H điều chỉnh bổ sung Quyết định số 2161/QĐ-UBND về bồi thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng cho ông Phan Văn H.

Không đồng ý với Quyết định giải quyết khiếu nại của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, ông H làm đơn khởi kiện cho rằng toàn bộ phần đất của ông sử dụng thực tế là đất ở không phải rạch và sử dụng từ trước năm 1975, nên ông H yêu cầu hủy Quyết định giải quyết khiếu nại số 6543/QĐ-UBND ngày 31/12/2014 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Theo các văn bản và lời khai của phía người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh do người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Thực hiện Quyết định số 1997/QĐ-UB ngày 21/11/2002 và Quyết định số 123/2006/QĐ-UBND ngày 16/8/2006 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về sửa đổi, bổ sung Quyết định số 135/QĐ-UB ngày 21/11/2002 của Ủy ban nhân dân thành phố và Quy định kèm theo về bồi thường, hỗ trợ thiệt hại và tái định cư trong khu quy hoạch xây dựng Khu đô thị mới Thủ Thiêm và các khu phục vụ tái định cư Quận H.

Ngày 08/2/2010, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận H ký ban hành Quyết định số 2161/QĐ-UBND về việc bồi thường, hỗ trợ thiệt hại và tái định cư đối với ông Phan Văn H với số tiền là 31.271.300 đồng.

Do không đồng ý với quyết định trên, ông H làm đơn khiếu nại.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận H ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 12566/QĐ-UBND-TTr ngày 17/9/2010 bác đơn khiếu nại của ông H.

Ông H tiếp tục khiếu nại đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 6543/QĐ-UBND ngày 31/12/2014 có nội dung: Công nhận một phần Quyết định giải quyết khiếu nại số 12566/QĐ-UBND-TTr ngày 17/9/2010 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận H về việc bác đơn của ông H yêu cầu bồi thường phần đất bị thu hồi 226,94m² theo đơn giá đất ở sử dụng từ ngày 16/9/1998 đến trước ngày 20/12/2001, bồi thường vật kiến trúc trên đất 97,55m², tái định cư nền đất 100m².

Giao Ủy ban nhân dân Quận H điều chỉnh bồi thường phần đất 0,67m² theo đơn giá đất nông nghiệp trồng cây lâu năm (đơn giá 200.000 đồng/m²), hỗ trợ phần đất 119,46m² (226,94m² – 0,67m² – 104,73m² san lấp sau năm 2001 – 2,08m² là hẻm) theo đơn giá đất nông nghiệp trồng cây lâu năm (80% x 200.000 đồng/m²).

Quyết định giải quyết khiếu nại của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh là có cơ sở nên đề nghị bác đơn khởi kiện của ông H.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận H và Ủy ban nhân dân Quận H có người đại diện theo ủy quyền của trình bày:

Thông nhất với trình bày của đại diện Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Tại bản án hành chính số 958/2015/HC-ST ngày 16 tháng 9 năm 2015, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Áp dụng Điều 3, Điều 28, Điều 30, Điều 103 của Luật Tố tụng hành chính; Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án; Luật Thi hành án dân sự, tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phan Văn H về việc đòi hủy Quyết định giải quyết khiếu nại số 6543/QĐ-UBND ngày 31/12/2014 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí hành chính sơ thẩm và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 21/9/2015, ông Phan Văn H có đơn kháng cáo toàn bộ bản án hành chính sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông H vẫn giữ nguyên kháng cáo yêu cầu Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng hủy Quyết định giải quyết khiếu nại số 6543/QĐ-UBND ngày 31/12/2014 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh để giải quyết đền bù cho gia đình ông đối với toàn bộ diện tích đất bị thu hồi theo giá đất ở.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử đã tiến hành tố tụng theo đúng trình tự, thủ tục và các đương sự đã thực hiện quyền và nghĩa vụ theo đúng quy định của Luật Tố tụng hành chính.

Về kháng cáo của ông Phan Văn H: Hộ ông H bị giải tỏa diện tích 226,94m² tọa lạc tại Khu phố M, phường A để phục vụ cho việc xây dựng Khu đô thị mới Thủ Thiêm. Đất có nguồn gốc là đất rạch do cha ông H là Phan Văn Th cải tạo sử dụng trước năm 1992 và cho ông H vào năm 1992 sử dụng là đất nông nghiệp. Mặc dù hộ ông H có xây dựng nhà trên đất này ngày 20/12/2001, song thuộc trường hợp xây dựng không phép bị Ủy ban nhân dân Quận H xử phạt hành chính theo Quyết định số 146/QĐ-UB-QLĐT ngày 18/01/2002 buộc tháo dỡ toàn bộ công trình vi phạm. Do đó, ông Phan Văn H yêu cầu bồi thường theo giá đất ở là không có căn cứ, nên đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của ông H, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Đơn kháng cáo của Phan Văn H nộp trong thời hạn và đúng thủ tục theo quy định của Luật tố tụng hành chính nên hợp lệ; Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét lại bản án sơ thẩm theo thủ tục phúc thẩm như sau:

[2] - Về tố tụng: Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định đúng quan hệ tranh chấp, thụ lý giải quyết vụ án đúng thẩm quyền, trình tự và thủ tục theo quy định của Luật tố tụng Hành chính.

[3] - Về nội dung giải quyết của Tòa án cấp sơ thẩm đối với yêu cầu khởi kiện của ông Phan Văn H:

[4] Thực hiện Quyết định số 1997/QĐ-UB ngày 10/5/2002 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố về việc thu hồi và giao đất để xây dựng Khu đô thị mới Thủ Thiêm, huyện Thủ Đức, trong đó hộ ông Phan Văn H bị giải tỏa toàn bộ diện tích 226,94m² tọa lạc tại Khu phố M, phường A, Quận H. Đất có nguồn gốc

do cha ông H là Phan Văn Th cải tạo sử dụng trước năm 1992 và cho ông H vào năm 1992.

[5] Theo quy định tại tiết b.1.2.5 khoản 3 Điều 3 Quyết định số 135/2002/QĐ-UB ngày 21/11/2002 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ thiệt hại tái định cư trong khu quy hoạch xây dựng Khu đô thị mới Thủ Thiêm như sau: Đất chuyển mục đích sử dụng từ ngày 20/12/2001 (đối với Khu đô thị mới Thủ Thiêm) hoặc từ ngày 22/4/2002 (đối với các khu quy hoạch tái định cư) trở về sau, tính bồi thường theo đơn giá bồi thường cây lâu năm. Đối chiếu với trường hợp hộ ông H thì, mặc dù hộ ông H có xây dựng nhà trên đất này ngày 20/12/2001, song thuộc trường hợp xây dựng không phép bị Ủy ban nhân dân Quận H xử phạt hành chính theo Quyết định số 146/QĐ-UB-QLĐT ngày 18/01/2002 buộc tháo dỡ toàn bộ công trình vi phạm, nhưng không tổ chức thực hiện Quyết định trên và để ông H xây dựng hoàn chỉnh đến khi thu hồi đất. Như vậy, thời điểm ông H tự chuyển mục đích sử dụng đất ở là ngày 20/12/2001 diện tích $226,94\text{m}^2$ (trừ $2,08\text{m}^2$ là hẻm theo bản đồ 2002 không bồi thường). Ông H yêu cầu bồi thường theo giá đất ở sử dụng từ ngày 16/9/1998 đến trước ngày 20/12/2001 là không đúng với thực tế sử dụng đất, không có căn cứ để chấp nhận.

[6] Tuy nhiên, do khi thu hồi diện tích đất $226,94\text{m}^2$ của hộ ông H đã xác định được trong đó gồm: Đối với phần đất diện tích $0,67\text{m}^2$ có số thửa 625 (Theo tài liệu 299/TTG) đủ điều kiện bồi thường, hỗ trợ theo giá đất nông nghiệp trồng cây lâu năm (200.000 đồng/ m^2). Do đó, Ủy ban nhân dân Quận H bồi thường theo giá đất nông nghiệp trồng cây hàng năm (150.000 đồng/ m^2) là chưa đúng với phương án.

[7] Đối với diện tích đất $226,27\text{m}^2$ có nguồn gốc là rạch (tài liệu 299/TTg), theo Văn bản xác nhận số 497/UBND-XN ngày 12/8/2009 của Ủy ban nhân dân phường A, Quận H có nội dung: Phần số 8 của bản vẽ hiện trạng do Công ty đo đạc Địa chính và Công trình thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường lập ngày 12/8/2009 có diện tích $104,73\text{m}^2/226,27\text{m}^2$ được san lấp sau năm 2001, đối chiếu với Văn bản số 785/UBND-PCNC ngày 22/2/2014 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về hỗ trợ đối với đất rạch tự chuyển mục đích thành đất nông nghiệp thì $(226,27\text{m}^2 - 104,73\text{m}^2) - 2,08\text{m}^2$ là hẻm (tài liệu 2002) = $119,46\text{m}^2$ đủ điều kiện hỗ trợ là đất nông nghiệp trồng cây lâu năm (80% đơn giá 200.000 đồng/ m^2).

[8] Do đó, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành quyết định giải quyết khiếu nại số 6543/QĐ-UBND ngày 31/12/2014 Công nhận một phần Quyết định giải quyết khiếu nại số 12566/QĐ-UBND-TTr ngày 17/9/2010 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận H về giải quyết khiếu nại của ông Phan Văn H. Giao Ủy ban nhân dân Quận H điều chỉnh, bổ sung quyết định bồi thường số 2161/QĐUB ngày 08/02/2010 của Ủy ban nhân dân Quận H theo hướng: bồi thường phần đất $0,67m^2$ theo đơn giá đất nông nghiệp trồng cây lâu năm (đơn giá 200.000 đồng/ m^2), hỗ trợ phần đất $119,46m^2$ ($226,94m^2 - 0,67m^2 - 104,73m^2$ san lấp sau năm 2001 - $2,08m^2$ là hẻm) theo đơn giá đất nông nghiệp trồng cây lâu năm ($80\% \times 200.000$ đồng/ m^2) là có căn cứ đúng pháp luật, phù hợp với thực tế sử dụng đất của ông Phan Văn H.

[9] Chính vì vậy xét thấy, Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên xử bác yêu cầu của ông Phan Văn H là có căn cứ. Những lý do và yêu cầu kháng cáo của ông H tại phiên tòa phúc thẩm là không có cơ sở. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm thống nhất với quan điểm đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phúc thẩm, không chấp nhận kháng cáo của ông H; giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

[10] Ông H phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 241 của Luật tố tụng Hành chính.

- Bác kháng cáo của ông Phan Văn H và giữ nguyên quyết định của bản án hành chính sơ thẩm số: 958/2015/HC-ST ngày 16/9/2015 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh:

Áp dụng các Điều 3, 28, 30, 103 của Luật Tố tụng hành chính; Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án; Luật Thi hành án dân sự,

Tuyên xử:

1. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Phan Văn H về việc đòi hủy Quyết định giải quyết khiếu nại số 6543/QĐ-UBND ngày 31/12/2014 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Về án phí hành chính sơ thẩm: Ông Phan Văn H chịu số tiền 200.000 đồng; nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hành chính sơ thẩm đã nộp

200.000 đồng (ông Thái Hữu Ng nộp thay) theo biên lai thu số AG/2010/08327 ngày 18/3/2015 của Cục thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh; ông H đã nộp đủ án phí hành chính sơ thẩm.

- Án phí hành chính phúc thẩm: Ông Phan Văn Hphải chịu 200.000 đồng; nhưng được trừ vào số tiền tiền tạm ứng án phí hành chính phúc thẩm đã nộp 200.000 đồng theo biên lai thu số 09810 ngày 24/12/2015 của Cục thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh; ông H đã nộp đủ án phí hành chính phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án là ngày 21 tháng 7 năm 2017.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSNDCC tại thành phố Hồ Chí Minh;
- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND Thành phố Hồ Chí Minh;
- Cục THADS Thành phố Hồ Chí Minh;
- NKK;
- NBK;
- NLQ;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án, 14bTNB.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Đình Thanh